

# PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG TỰ HỌC CHO SINH VIÊN

**ĐỖ KHÁNH NĂM**

Trưởng Đại học Nội vụ Hà Nội  
Email: dokhanhnampgdbt@gmail.com

**Tóm tắt:** Phát triển năng lực tự học là mục tiêu hướng tới việc đổi mới phương pháp dạy và học đang đặt ra trong các trường đại học. Việc tự học của sinh viên giữ vai trò rất quan trọng. Nó là nhân tố trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học. Bên cạnh đó, tự học còn góp phần nâng cao hoạt động trí tuệ của sinh viên trong việc tiếp thu và hiểu tri thức mới, rèn luyện cho sinh viên có cách suy nghĩ độc lập, sáng tạo, cách giải quyết các vấn đề, đồng thời tạo ra những con người năng động, độc lập nhằm đáp ứng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bài viết trình bày một số khái niệm cơ bản về kĩ năng tự học và đưa ra một số biện pháp phát triển kĩ năng tự học cho sinh viên.

**Từ khóa:** Phát triển; tự học; kĩ năng tự học; sinh viên.

(Nhận bài ngày 28/02/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 13/03/2017; Duyệt đăng ngày 25/03/2017).

## 1. Đặt vấn đề

Tự học (TH) là một xu thế tất yếu bởi vì giáo dục thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). TH giúp nâng cao kết quả học tập của sinh viên (SV) và chất lượng giáo dục của nhà trường, là biểu hiện cụ thể của việc đổi mới phương pháp dạy học ở các trường đại học.

Phát triển kĩ năng tự học (KNTH) cho SV chính là khâu then chốt để tạo ra “nội lực” nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Đòi hỏi ở người học phải có những thay đổi từ nhận thức đến cách thức tiếp cận và giải quyết vấn đề để việc học sẽ trở thành mục tiêu, động lực, nhằm đào tạo ra những con người lao động sáng tạo, năng động, tự chủ, độc lập, có khả năng học tập liên tục, suốt đời. Vì vậy, việc phát triển và nâng cao KNTH cho SV trở thành một yêu cầu cấp bách, một nhiệm vụ quan trọng trong công tác đào tạo hiện nay ở các trường đại học.

## 2. Một số khái niệm cơ bản

### 2.1. Tự học

Khái niệm TH được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và tranh luận về nội hàm của nó.

Tác giả Nguyễn Hiến Lê (1992) [1] đã đưa ra cách hiểu: TH là không ai bắt buộc mà tự mình tìm tòi, học hỏi để hiểu biết thêm. Có thấy hay không, ta không cần biết. Người TH hoàn toàn làm chủ mình, muốn học môn nào tùy ý, muốn học lúc nào cũng được, đó mới là điều kiện quan trọng.

Theo tác giả Lưu Xuân Mới (2003) [2]: TH là hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kĩ năng (KN) do chính SV tiến hành ở trên lớp hoặc ở ngoài lớp theo hoặc không theo chương trình và sách giáo khoa đã được quy định.

Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn cùng cộng sự (2009) [3] đã đưa ra khái niệm TH như sau: TH là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp...) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình rồi cả

động cơ tình cảm, cả nhân sinh quan, thế giới quan (như trung thực, khách quan, có chí tiến thủ, không ngại khổ, ngại khó, kiên trì, nhẫn nại, lòng ham mê khoa học...) để chiếm lĩnh một lĩnh vực nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình.

Từ các quan điểm nêu trên có thể hiểu: TH là hoạt động mang tính độc lập, cá nhân, đòi hỏi có ý thức tự giác cao, có thái độ đúng đắn, có tính mục đích, có mục tiêu rõ ràng, có hệ thống KNTH. TH thể hiện sự tự điều khiển, tự thiết kế kế hoạch, thực hiện kế hoạch học tập, tự điều chỉnh, tự kiểm tra, đánh giá việc học của chính mình theo hướng sáng tạo, nhằm củng cố, mở rộng và phát triển tri thức, KN, kĩ xảo.

### 2.2. Kĩ năng tự học

Đối với người học, hoạt động TH bao gồm nhiều hành động kế tiếp nhau như quan sát, ghi chép, đọc, hệ thống hoá, giải bài tập. Để có thể TH, người học phải nắm được những tri thức về hành động, phải vận dụng những tri thức đó để tiến hành các hành động nhằm thu được những kết quả hành động phù hợp với mục đích. Nói một cách khác, người học phải có những KNTH phù hợp với môn học.

KNTH là khả năng thực hiện một hệ thống các thao tác tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động TH trên cơ sở vận dụng các kinh nghiệm có liên quan đến hoạt động đó.

Theo Nguyễn Cảnh Toàn (1997) [4]: KNTH là khả năng thực hiện có kết quả một hay một nhóm hành động TH bằng cách vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với những điều kiện cho phép.

Trong hoạt động TH, KNTH là yếu tố cần thiết giúp người học hoàn thành được nhiệm vụ học tập. Hoạt động TH khi hướng vào những mục đích nhất định sẽ bao gồm nhiều hành động liên tục kế tiếp nhau. Những thao tác trí tuệ sẽ diễn ra tùy thuộc vào mục đích, nhiệm vụ học tập và tùy thuộc vào những KN đã có.

Trên cơ sở nghiên cứu các khái niệm cơ bản: KN, TH và KN học tập, chúng ta có thể hiểu KNTH được biểu hiện



ở mặt kĩ thuật của hành động TH và năng lực TH của mỗi cá nhân. Hay nói cách khác, năng lực TH được biểu hiện ra ở KNTH. Để TH có kết quả, SV phải có những KNTH tương ứng. KNTH được bộc lộ ra bên ngoài là biểu hiện của nhận thức TH và thái độ TH.

Từ những vấn đề trên chúng tôi cho rằng: KNTH là những phương thức hoạt động trên cơ sở lựa chọn và vận dụng những tri thức, kĩ xảo, kinh nghiệm để thực hiện có kết quả mục tiêu học tập đã đặt ra phù hợp với điều kiện cho phép.

### **2.3. Phát triển kĩ năng tự học**

Phát triển KNTH là quá trình biến đổi, tăng tiến các KNTH của SV từ mức thấp đến mức độ cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện làm cho việc học tập trở nên có hiệu quả.

Phát triển KNTH biểu hiện sự tiến bộ trong nhận thức, thái độ, hành động và kĩ thuật học tập của SV trong tập thể lớp, làm cho việc học tập ngày càng hoàn thiện có kết quả tốt hơn.

Phát triển KNTH là kết quả của quá trình SV thường xuyên học tập với nhau, có ý thức về nhiệm vụ của mình, của nhóm, của lớp để hỗ trợ nhau, cộng tác với nhau, tương tác lẫn nhau, tạo ra tính tích cực, hứng thú học tập đưa đến kết quả học tập ngày càng cao. Quá trình dạy học có mục tiêu hình thành năng lực hoạt động cho SV, trong đó phát triển KNTH là một hướng đi tích cực, hoàn toàn phù hợp với xu thế dạy học hiện đại và chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo hiện nay.

## **3. Một số biện pháp phát triển kĩ năng tự học cho sinh viên**

### **3.1. Đối với giáo viên**

Bàn về hoạt động TH và phương pháp tổ chức cho SV TH như thế nào để có hiệu quả thiết thực là một vấn đề hoàn toàn không đơn giản. Vì vậy, mỗi giáo viên (GV) cần nghiên cứu để tìm ra nội dung, phương pháp dạy học cơ bản giúp SV TH đạt hiệu quả cao trong quá trình học tập.

#### **3.1.1. Xây dựng động cơ học tập cho sinh viên**

GV cần khơi gợi hứng thú học tập để trên cơ sở đó SV có ý thức tốt về nhu cầu học tập. SV tự xây dựng cho mình động cơ học tập đúng đắn là việc cần làm đầu tiên. Có động cơ học tập tốt khiến SV luôn tự giác say mê, học tập với những mục tiêu cụ thể rõ ràng với một niềm vui sáng tạo. Trong rất nhiều động cơ học tập của SV, có thể khuôn tách thành hai nhóm cơ bản sau:

- Các động cơ hứng thú nhận thức.
- Các động cơ trách nhiệm trong học tập.

Thông thường các động cơ hứng thú nhận thức hình thành và đến được với SV một cách tự nhiên khi bài học có nội dung mới lạ, thú vị, bất ngờ và chứa đựng nhiều yếu tố nghịch lí, gợi sự tò mò. Động cơ này sẽ xuất hiện thường xuyên khi GV biết tăng cường tổ chức các cuộc thảo luận hay các biện pháp kích thích tính tự giác, tích cực từ người học.

Động cơ nhiệm vụ và trách nhiệm trong học tập thì bắt buộc SV phải liên hệ với ý thức về ý nghĩa xã hội của

sự học. Giống như nghĩa vụ đối với Tổ quốc, trách nhiệm đối với gia đình, thầy cô, uy tín danh dự trước bạn bè... Từ đó, SV mới có ý thức kỉ luật trong học tập, nghiêm túc tự giác thực hiện mọi nhiệm vụ học tập, những yêu cầu từ GV, tôn trọng mọi chế định của xã hội và sự điều chỉnh của dư luận.

Cả hai động cơ trên không phải là một quá trình hình thành tự phát, cũng chẳng đem lại từ bên ngoài vào mà nó được hình thành và phát triển một cách tự giác thấm lặn từ bên trong. Do đó, GV phải tùy đặc điểm môn học, tùy từng đối tượng để tìm ra những biện pháp thích hợp nhằm khơi dậy hứng thú học tập và năng lực tiềm tàng ở SV.

#### **3.1.2. Tư vấn, hướng dẫn cách thức tự học cho sinh viên**

Buổi đầu tiên của môn học, GV cần dành một khoảng thời gian để làm rõ tầm quan trọng của KNTH, tư vấn cho tập thể lớp về cách thức học tập nói chung và TH nói riêng. Quá trình tư vấn cần chú ý tìm hiểu nguyên nhân của những khó khăn, thiếu hụt, cách thức rèn luyện KNTH phải phù hợp với năng khiếu và sở thích học tập, đồng thời phát huy kinh nghiệm học tập của họ. Trên cơ sở đề cương môn học, GV cần hướng dẫn, giúp đỡ SV rèn luyện KNTH bộ môn mình dạy. GV cần trang bị cho SV các KN cần thiết như: Xác định mục tiêu TH, lập kế hoạch TH, đọc sách, nghiên cứu tài liệu học tập, ghi chép tài liệu, làm bài tập ngoài lớp, tự kiểm tra-đánh giá quá trình tự học...

#### **3.1.3. Điều chỉnh phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường tự học cho sinh viên**

Để phát triển năng lực TH, tự nghiên cứu cho SV đòi hỏi GV phải luôn ý thức sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, đòi hỏi SV phải TH cao như: Seminar thảo luận nhóm, tự nghiên cứu tài liệu... Việc chọn lựa các phương pháp dạy học phụ thuộc vào mục đích, nội dung giảng dạy, đặc điểm người học, khả năng GV và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường. Trong quá trình sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, GV cần chú ý chuyển trọng tâm thiết kế các hoạt động của thầy sang thiết kế các hoạt động của trò, thường xuyên bồi dưỡng năng lực sử dụng phương pháp, trang bị cơ sở vật chất phù hợp, đổi mới cách kiểm tra-đánh giá người học, hướng dẫn SV cách thức tự làm việc, tự nghiên cứu, gợi ý các nguồn tài nguyên, kết hợp linh hoạt với các phương pháp khác nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

#### **3.1.4. Dạy cách học bài**

Vấn đề mấu chốt theo quan điểm của chúng tôi chính là dạy cách học bài. GV cần giới thiệu và hướng dẫn cho SV TH theo mô hình các nấc thang nhận thức của Bloom. Tức là học cách phân tích, tổng hợp, học vận dụng tri thức vào từng tình huống thực tiễn, học nhận xét đánh giá, so sánh đối chiếu các kiến thức... Bên cạnh đó còn phải rèn luyện năng lực tư duy logic, tư duy trừu tượng, tư duy sáng tạo để tìm ra những hướng tiếp cận mới các vấn đề khoa học.

Trong quá trình giảng dạy, GV cần đưa ra các tình

huống, vấn đề gắn với thực tiễn đời sống xã hội sau khi kết thúc mỗi bài/chương/mục và yêu cầu SV chuẩn bị trước. Sau đó tùy tình hình để cho từng cá nhân hay từng nhóm (cả lớp) thảo luận, giải quyết. Một trong những hình thức giúp SV làm việc nhóm tốt nhất là tạo cơ hội cho các em diễn đạt trực tiếp: Từ cách lấy dẫn chứng để chứng minh một vấn đề, giải thích, phản biện, nêu quan điểm ý tưởng hay thuyết trình, giới thiệu, tổng thuật một sự kiện, một vấn đề khoa học hoặc đơn giản chỉ là sự bày tỏ chính kiến trước một hiện tượng. Thông qua đó người dạy cũng có thể nắm được mức độ nhận thức của SV để có sự bổ sung điều chỉnh hợp lý, kịp thời. Đảm bảo chất lượng giờ giảng luôn được cải thiện theo hướng tích cực.

### 3.1.5. Dạy cách nghiên cứu

Trước hết là dạy cho SV cách xác định đề tài, chủ đề nghiên cứu sao cho phù hợp với sở trường năng lực của mình và yêu cầu của chuyên ngành đào tạo. Tiếp đến là dạy SV cách lựa chọn và tập hợp, phân loại thông tin và cách xử lý thông tin trong khuôn khổ thời gian cho phép. Vì vậy, việc xác định nguồn tài liệu, điều tra, thực nghiệm cũng đòi hỏi SV phải thường xuyên cập nhật thông tin để nắm bắt kịp thời những vấn đề mang tính thời sự nóng hổi cũng là một thách thức lớn. Tài liệu sẽ lấy từ nguồn nào, giới hạn phạm vi bao nhiêu, cách viện dẫn những thông tin ra sao cho chính xác, trích dẫn những vấn đề điển hình nào có tính thuyết phục cao... là những vấn đề cần được hướng dẫn kĩ lưỡng chu đáo từ phía GV. Một đề cương nghiên cứu chuẩn mực, khoa học trong cấu trúc chung từ tổng quan của vấn đề nghiên cứu, các cấp độ nội dung cần triển khai và cách xác định phương pháp nghiên cứu phản ánh rất rõ năng lực của mỗi SV. Ngoài ra, việc tự kiểm tra đánh giá kết quả nghiên cứu trên cơ sở tranh thủ ý kiến của bạn bè, thầy cô cũng đem lại lợi ích thiết thực cho người nghiên cứu, nhất là SV mới bước đầu làm quen với khoa học.

### 3.1.6. Tăng cường kiểm tra, đánh giá các nhiệm vụ tự học của sinh viên

Trong quá trình dạy học, GV phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá các nội dung yêu cầu TH, có thể sau mỗi bài, mỗi chương hay một phần kiến thức lớn. Các hình thức kiểm tra, đánh giá quá trình TH của SV được sử dụng đa dạng như: Đàm thoại, trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận,... Nội dung kiểm tra, đánh giá phản ánh được mức độ yêu cầu lĩnh hội tri thức từng phần cụ thể. Kết quả cần ghi nhận một cách chính thức, tránh thái độ xem nhẹ kết quả quá trình TH ở SV.

## 3.2. Đối với sinh viên

### 3.2.1. Kỹ năng xây dựng kế hoạch tự học

KN lập kế hoạch TH ở đây có thể nói tới việc biết cách bố trí, sắp xếp công việc giữa TH trên giảng đường với TH ở nhà, dự định kế hoạch thực hiện của cá nhân phù hợp về thời gian, sức khỏe, điều kiện cho phép... Việc xây dựng kế hoạch TH phải đảm bảo những yêu cầu: Nâng cao tính tích cực, tự giác, ý thức kỉ luật trong học tập và cuộc sống; đảm bảo thời gian TH cho từng môn tương ứng với khối lượng kiến thức, tránh tình

trạng “chồng chéo” bài tập; đảm bảo xen kẽ luân phiên hợp lí các dạng TH, các môn học khác nhau; đảm bảo tính mềm dẻo, thực tế tiết kiệm thời gian, biết tự kiểm tra, điều chỉnh kế hoạch TH; người học cần kiên trì và có quyết tâm vượt khó, không nản chí, tập trung tư tưởng.

Để xây dựng kế hoạch TH, SV cần: Thống kê các công việc cần làm (trong một năm, một kì, một tháng, một tuần, một ngày...); Xác định quỹ thời gian TH ở nhà, trên lớp, tại thư viện,...; Xác định yêu cầu, khối lượng và yêu cầu cần đạt được, các hoạt động phải tiến hành, sản phẩm cụ thể cần phải được tạo ra, thời gian dành cho mỗi nội dung và hoạt động. Trong bản kế hoạch cần dự trù các phương án phụ, dự kiến khắc phục các trở ngại đột xuất về thời gian, yêu cầu chung. Kế hoạch TH phải đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức, tính khả thi. Xây dựng kế hoạch TH là KN quan trọng đầu tiên đối với SV.

### 3.2.2. Kỹ năng lựa chọn tài liệu

Trong xu thế phát triển mạnh của công nghệ thông tin và truyền thông hiện nay, người học có cơ hội tiếp cận với rất nhiều nguồn thông tin, do đó việc lựa chọn thông tin, lựa chọn tài liệu để TH rất quan trọng. Tài liệu TH có thể từ nhiều nguồn khác nhau: Sách, báo, văn kiện... các tài liệu có thể ở dạng viết, nghe, nhìn, trực tiếp khai thác từ mạng internet...

Lựa chọn đúng, đủ các tài liệu cần thiết phục vụ TH là một việc làm phức tạp đòi hỏi người học phải được rèn luyện KN lựa chọn tài liệu, bắt đầu từ lựa chọn đúng, chọn đủ, chọn hợp lí, chọn tài liệu liên quan trực tiếp, gián tiếp...

KN lựa chọn tài liệu còn được thể hiện trong việc SV trao đổi với bạn, với GV về nội dung học tập, quan sát thí nghiệm, trải nghiệm thực tế. Những thông tin thu thập được từ nguồn này có thể ở dạng thô, đòi hỏi người học phải có KN phân tích, tổng hợp khái quát hóa, tự đánh giá thông tin để lựa chọn thông tin cần thiết cho bản thân.

### 3.2.3. Kỹ năng đọc sách và tài liệu tham khảo

KN này giúp SV hoàn thiện, khắc sâu và mở rộng tri thức đã được tiếp thu. Trong quá trình đọc sách, SV cần được rèn luyện phương pháp học, đọc tài liệu khoa học, tư duy phân tích có phê phán. Để tự đọc sách đạt hiệu quả, SV cần thực hiện những công việc cụ thể như sau:

Phải xác định được mục đích rõ ràng: “Đọc cái gì?”, “Đọc để làm gì?” để từ đó định hướng việc khai thác những nội dung cần thiết trong sách, biết lựa chọn sách cần đọc và phương pháp đọc phù hợp.

Phải chọn lọc sách phù hợp, đảm bảo đúng nội dung thông tin cần nghiên cứu, biết cách lựa chọn tư liệu (qua internet, qua thư mục ở thư viện...).

Xác định các phương pháp đọc sách phù hợp như: Đọc lướt qua nhằm tìm hiểu nội dung khái quát của sách theo trình tự (tên tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản, nơi/năm xuất bản); đọc Mục lục, Lời giới thiệu để hiểu khái quát về nội dung của cuốn sách; đọc kĩ nội dung cơ bản của cuốn sách để có cơ sở nhận xét, đánh giá những chi tiết quan trọng về nội dung và kết cấu của sách; đọc đi



đọc lại nhiều lần một quyển sách; đọc có trọng điểm: Tim và đọc kĩ những phần có liên quan đến vấn đề cần nghiên cứu,...

Tích cực tư duy khi đọc sách, phối hợp các thao tác tư duy (như phân tích, khái quát hóa, hệ thống hóa) để phát hiện ra thuộc tính bản chất và không bản chất, cái chủ yếu và không chủ yếu được nêu ra trong sách; rút ra nhận xét đánh giá, kết luận nội dung, kết cấu của cuốn sách.

Có tốc độ đọc hợp lí để nắm được nội dung, các thuật ngữ mới và khó; biết sử dụng từ điển hoặc sách hướng dẫn; luyện tập đọc nhanh; rèn luyện cách đọc bằng mắt, đọc nhẩm, vừa đọc vừa nắm bắt nhanh những nội dung trong sách.

Biết ghi chép một cách khoa học những nội dung đã học. Khi ghi chép một đoạn tài liệu, SV có thể trích dẫn, ghi một câu/một phần dựa theo mục đích sử dụng, giữ đúng thông tin và ý tác giả.

Cần trích dẫn cụ thể, tìm hiểu rõ quan điểm đó là của tác giả nào? trong tác phẩm nào? xuất bản năm nào? được trích ở trang số bao nhiêu?... Bên cạnh đó, SV cũng phải tích cực suy nghĩ để đưa ra những quan điểm của bản thân mình,...

### 3.2.4. *Kĩ năng lựa chọn hình thức tự học*

TH là quá trình tự bản thân người học tiến hành hoạt động độc lập để chiếm lĩnh tri thức, KN. Tuy nhiên, việc TH có lúc thuận lợi nhưng cũng có lúc gặp trở ngại tưởng chừng khó vượt qua. Ví dụ người học gặp một vấn đề học tập khó, thiếu tài liệu, hay hướng suy nghĩ bị bế tắc, trong trường hợp đó một gợi ý nhỏ, một chỉ dẫn định hướng của bạn học hoặc GV là hết sức cần thiết. Do vậy, việc lựa chọn hình thức TH: Học cá nhân, đôi bạn học tập, học nhóm, học với tài liệu, học trực tuyến E- learning, M-learning một cách phù hợp đóng vai trò quan trọng.

### 3.2.5. *Kĩ năng xử lí thông tin*

KN xử lí thông tin được chia thành hai nhóm KN nhỏ kế tiếp nhau là: Hệ thống hóa và phân tích, tổng hợp, khái quát hóa.

Những thông tin thu được để trở thành cơ sở cho việc TH hiệu quả cần được người học sắp xếp vào một hệ thống. Công việc này bao gồm nhiều thao tác như: Tóm tắt, phân loại, xác lập các mối liên hệ, biểu diễn bằng sơ đồ logic, bằng bảng hệ thống kiến thức. Hệ thống thông tin được thu nhận và xử lí bằng các thao tác trí tuệ, sắp xếp thành một hệ thống cấu trúc chặt chẽ thì mang tính vững chắc và mềm dẻo, khi cần có thể vận dụng dễ dàng.

Quá trình TH không chỉ thu nhận tri thức mà cần biến nó thành tri thức của bản thân. Quá trình cải biến thông tin này được thực hiện bởi các thao tác tư duy như: Phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa,...

Như vậy, KN xử lí thông tin trong TH liên quan mật thiết với quá trình tư duy, vì thế bồi dưỡng KN xử lí thông tin không tách rời việc bồi dưỡng KN sử dụng các thao tác tư duy. Điều đó đòi hỏi phải đề cao vai trò chủ động

tích cực của người học trong quá trình dạy học.

### 3.2.6. *Kĩ năng vận dụng tri thức vào thực tiễn*

Tri thức đã được nhận thức nhưng nếu không được sử dụng thì bị mai một hoặc lãng quên. Việc vận dụng tri thức vào thực tiễn vừa là mục đích tự thân của việc học vừa là quá trình bổ sung, mở rộng, đào sâu, làm giàu tri thức cá nhân. Vận dụng tri thức vào thực tiễn bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết vấn đề do học tập và cuộc sống đề ra. Có thể chỉ ra các hoạt động cụ thể như sau: Làm bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, viết báo cáo, xử lí tình huống...

KN vận dụng tri thức vào thực tiễn có liên quan đến việc xác định vấn đề, nhận thức và giải quyết vấn đề và có thể hình thành và phát triển thông qua dạy học giải quyết vấn đề. Điều này thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa phương pháp, KNTH của SV và phương pháp dạy học của GV.

### 3.2.7. *Kĩ năng trao đổi và chia sẻ thông tin*

Những tri thức thu nhận được nếu được trao đổi và chia sẻ với bạn hoặc các đối tượng có nhu cầu sẽ tăng thêm ý nghĩa thực tế và có tác dụng tích cực đối với việc nắm tri thức của bản thân người học. Việc trao đổi và chia sẻ thông tin có thể diễn ra bằng nhiều cách thức khác nhau như: Trò chuyện, báo cáo, thảo luận trong nhóm và bằng nhiều hình thức khác nhau như: Trực tiếp hoặc gián tiếp qua các phương tiện thông tin, qua mạng *Internet* (thư điện tử, *inbox facebook*...).

### 3.2.8. *Tổ chức Câu lạc bộ môn học nhằm phát triển kĩ năng tự học cho sinh viên*

Câu lạc bộ môn học là nơi sinh hoạt khoa học về một lĩnh vực nhất định như nghe báo cáo của các nhà chuyên môn, phổ biến kiến thức theo chuyên đề, tọa đàm về nội dung khoa học, ...Tổ chức Câu lạc bộ môn học nhằm mục đích:

- Phát huy những sở trường, năng khiếu, năng lực về một lĩnh vực khoa học của SV, tạo điều kiện để SV phát triển định hướng nghề nghiệp của mình sau này.

- Trang bị những tri thức, KN cần thiết gắn với nội dung khoa học để vận dụng vào thực tiễn đời sống xã hội, góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách.

- Tạo môi trường để SV giao tiếp, ứng xử, vui chơi giải trí lành mạnh...

Như vậy, thông qua sinh hoạt câu lạc bộ SV được trải nghiệm, giao lưu, học hỏi và quan trọng hơn là phát triển hứng thú học tập, niềm yêu thích đối với môn học. Từ đó, thúc đẩy SV TH và phát triển KNTH.

### 3.2.9. *Kĩ năng tự kiểm tra đánh giá*

Đây là KN quan trọng trong TH bởi nó giúp cho người học xác định chính xác năng lực TH, những ưu điểm, hạn chế từ đó điều chỉnh hoạt động TH để đạt hiệu quả cao hơn. GV cần giúp SV biết thu thập thông tin về quá trình học tập của mình (kiến thức tiếp thu được, năng lực vận dụng, phong cách và thái độ học tập, các chỉ tiêu đạt được do yêu cầu của nhà trường, thầy cô và bản thân đề ra); Biết điều chỉnh một cách kịp thời quá trình học tập, khẳng định các kết quả đã đạt được, tạo

niềm tin vào bản thân; phát hiện những sai lầm thiếu sót trong quá trình TH để có biện pháp khắc phục sửa chữa. Ngoài ra, GV cần định hướng cho SV tự tái hiện lại những kiến thức đã học; biết trình bày lại nội dung cho người khác nghe, kiểm tra; lập dàn ý để cương những vấn đề đã nghiên cứu; tự trả lời các câu hỏi, bài tập trong mỗi bài, mỗi chương trong giáo trình; so sánh, đối chiếu bài tự làm với bài học.

Quá trình tự kiểm tra không tách rời quá trình tự đánh giá. Đánh giá trong TH thực chất là người học tự ý thức về trình độ, khả năng nhận thức của bản thân với kết quả hoặc phương pháp TH mà mình đã thực hiện, qua đó đối chiếu giữa cái mà mình thực hiện với mục đích cần đạt. Để đánh giá một cách đúng đắn, khách quan kết quả học tập của mình, SV cần dựa vào ý kiến nhận xét của thầy cô, bạn bè...căn cứ vào mục đích, yêu cầu kế hoạch học tập đã đề ra; so sánh với mục tiêu, yêu cầu, nội dung của môn học, giáo trình mà GV đã định hướng từ trước. Quá trình tự kiểm tra, đánh giá như vậy nếu được tiến hành thường xuyên sẽ trở thành KN, kĩ xảo, giúp SV có khả năng củng cố và nắm chắc những kiến thức cơ bản; ngược lại, việc học tập sẽ chỉ mang tính "đối phó" với các kì kiểm tra hoặc học lấy lệ, tất yếu sẽ ảnh hưởng không tốt tới kết quả học tập của người học.

#### 4. Kết luận

Hiện nay, trong các trường đại học, phương pháp học tập, nhất là phương pháp TH luôn là bài toán khó đối với SV. Vì vậy, mỗi trường đại học hiện đại cần đưa phương pháp TH vào mục tiêu đào tạo. Bởi lẽ, nó không chỉ cần thiết cho SV khi còn ngồi trên ghế nhà trường mà nó rất cần thiết cho SV cả khi ra trường sống hòa nhập với xã hội, trong suốt cuộc đời. Khi có KNTH, mỗi SV hoàn toàn có điều kiện tự nghiên ngẫm những vấn

đề nảy sinh trong học tập theo một phong cách riêng với những yêu cầu và điều kiện thích hợp. Điều đó không chỉ giúp SV nắm được vấn đề một cách chắc chắn, bền vững mà còn là dịp tốt để SV rèn luyện ý chí và năng lực hoạt động độc lập, sáng tạo. Theo chúng tôi đã đến lúc chúng ta cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc dạy cách học cho SV, xem đó như là một phần học trong chương trình đào tạo, nhằm từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong các trường đại học.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Hiến Lê, (2007), *Tự học - một nhu cầu của thời đại*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
- [2]. Lưu Xuân Mới, *Rèn luyện kĩ năng tự học cho sinh viên đại học*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, năm 2003.
- [3]. Nguyễn Cảnh Toàn - Lê Khánh Bằng (đồng chủ biên) - Lê Đình Trung, (2009), *Phương pháp dạy và học đại học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Cảnh Toàn, (1997), *Quá trình dạy - Tự học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5]. Đặng Thành Hưng - Trịnh Thị Hồng Hà - Nguyễn Khải Hoàn - Trần Vũ Khánh, (2012), *Lý thuyết phương pháp dạy học*, NXB Đại học Thái Nguyên.
- [6]. Weinet F.E., (1983), *Các lý thuyết về học tập và mô hình giảng dạy*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Abdullah - Mardziah Hayati, (2001), *Self-Directed Learning*, ERIC Digest. Office of Educational Research and Improvement (ED), Washington, DC, USA.
- [8]. Richard Nelson - Jones, (2012), *Basic Counseling Skill*, Sage Pulication India.
- [9]. Hiên Bùi, (2001), *Từ điển Giáo dục*, NXB Từ điển Bách khoa.

### DEVELOPING SELF-STUDY SKILLS FOR STUDENTS

**Do Khanh Nam**  
**Hanoi University of Home Affairs**  
**Email: dokhanhnampgdbt@gmail.com**

**Abstract:** *Development of self-learning ability is a goal forwarding the renovation of teaching and learning methodology set by universities nowadays. The student self-learning plays an important role, being direct factor that enhance training quality of the university. Apart from that, the self-learning help improve student intelligence in receiving and comprehending new knowledge, equip students with independent and creative thinking, with ways of problem solving. The self-learning also makes contribution to creation of dynamic, independent students meeting requirements of industrialization and modernization course. The article presents some basic concepts on self-learning skills and proposes several solutions to the development of self-learning skills for students.*

**Keywords:** *Development; self-learning; self-learning skill; student.*